

Số: /BC-HCC

Nghệ An, ngày tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO

Hoạt động tháng 4 năm 2026 của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An

(Từ ngày 15/3/2026 - 14/4/2026)

Thực hiện Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Quyết định số 3436/QĐ-UBND ngày 31/10/2025 của UBND tỉnh Nghệ An về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (sau đây gọi tắt là Trung tâm) báo cáo kết quả hoạt động tháng 4 năm 2026 như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

1. Kết quả tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh

- Tổng số hồ sơ tiếp nhận và xử lý trong tháng: 18.675 hồ sơ.
 - Số hồ sơ kỳ trước chuyển sang: 1.861 hồ sơ.
 - Số hồ sơ đã, đang giải quyết đúng hạn, trước hạn: 17.954 hồ sơ, chiếm 99,87%.
 - Số hồ sơ đã, đang giải quyết quá hạn: 25 hồ sơ, chiếm 0.13%.
 - Hồ sơ trả lại/Rút: 249 hồ sơ.
 - Hồ sơ chờ bổ sung: 447 hồ sơ.
 - Số hồ sơ nộp trực tuyến: 14.760 hồ sơ, đạt 87.78%;
 - Số lượt sử dụng dịch vụ bưu chính công ích: 2.226 lượt bao gồm dịch vụ nộp và trả kết quả tại nhà.
 - Hồ sơ của các thủ tục liên thông thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh (qua Văn phòng UBND tỉnh): 12 hồ sơ. Trong đó:
 - + Đã có kết quả giải quyết: 02 hồ sơ.
 - + Chưa có kết quả: 10 hồ sơ.
- * Thống kê số liệu tình hình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được tiếp nhận, xử lý trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, cụ thể như sau:

TT	Đơn vị	Tiếp nhận				Đã xử lý			Đang xử lý		Chờ bổ sung	Trả lại, Rút
		Tổng số	Kỳ trước	Trong kỳ		Trước hạn, đúng hạn	Quá hạn	Tỷ lệ trước hạn, đúng hạn	Trong hạn	Quá hạn		
				Trực tiếp	Trực tuyến							
1	Sở Công thương	433	28	29	376	366	0	100	29	0	0	38
2	Sở Giáo dục và Đào tạo	5	5	0	0	0	0	0	0	5	0	0
3	Sở Khoa học và Công nghệ	66	65	0	1	0	0	100	64	0	2	0
4	Sở Ngoại vụ	4	1	0	3	2	1	75	1	0	0	0
5	Sở Nội vụ	188	34	8	146	159	0	100	22	0	0	7
6	Sở Tài chính	126	107	9	10	7	4	96.83	66	0	42	7
7	Sở Nông nghiệp và Môi trường	272	146	4	122	102	0	100	97	0	62	11
8	Sở Tư pháp	15	7	3	5	10	0	100	4	0	1	0
9	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	70	11	0	59	52	0	100	14	0	0	4
10	Sở Xây dựng	89	7	1	81	79	0	100	3	0	3	4

TT	Đơn vị	Tiếp nhận				Đã xử lý			Đang xử lý		Chờ bổ sung	Trả lại, Rút
		Tổng số	Kỳ trước	Trong kỳ		Trước hạn, đúng hạn	Quá hạn	Tỷ lệ trước hạn, đúng hạn	Trong hạn	Quá hạn		
				Trực tiếp	Trực tuyến							
11	Sở Y tế	27	14	0	13	17	0	100	4	0	5	1
12	Sở Dân tộc và Tôn giáo	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
13	Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An	505	89	6	410	466	0	100	29	0	10	0
TỔNG CỘNG		1800	514	60	1226	1260	5	99.46	333	5	125	72

Thông kê số liệu tình hình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ được tiếp nhận, xử lý trên các Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung của Bộ, ngành, cụ thể như sau:

TT	Đơn vị	Tiếp nhận				Đã xử lý			Đang xử lý		Chờ bổ sung	Trả lại/Rút
		Tổng số	Kỳ trước	Trong kỳ		Trước hạn, đúng hạn	Quá hạn	Tỷ lệ trước hạn, đúng hạn	Trong hạn	Quá hạn		
				Trực tiếp	Trực tuyến							
1	Sở Tài chính	2330	0	0	2330	2042	0	100	0	0	288	0
2	Bảo hiểm xã hội	10806	824	1672	8310	9772	0	100	1034	0	0	0
3	Điện lực	25	0	0	25	25	0	100	0	0	0	0

TT	Đơn vị	Tiếp nhận				Đã xử lý			Đang xử lý		Chờ bổ sung	Trả lại/ Rút
		Tổng số	Kỳ trước	Trong kỳ		Trước hạn, đúng hạn	Quá hạn	Tỷ lệ trước hạn, đúng hạn	Tron g hạn	Quá hạn		
				Trực tiếp	Trực tuyến							
1	Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An	1	0	0	1	1	0	100	0	0	0	0
2	Sở Công Thươn g	133	17	29	87	54	0	100	72	0	0	7
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	238	18	33	187	200	1	99.58	8	0	0	29
4	Sở Khoa học và Công nghệ	52	13	0	39	43	0	100	4	0	0	5
5	Sở Nội vụ	161	10	118	33	124	0	100	29	0	0	8
6	Sở Nông nghiệp và Môi trường	457	91	1	365	327	1	99.34	105	2	8	14
7	Sở Xây dựng	1649	66	141	1442	1518	0	100	54	0	26	51
8	Sở Y Tế	1023	308	0	715	641	11	98.92	308	0	0	63
TỔNG CỘNG		16875	1347	1994	13534	14747	13	99,91	1614	2	322	177

2. Kết quả tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cấp xã

* Thống kê tình hình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ được ghi nhận trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh cấp xã tháng 4 năm 2026 như sau:

- Tổng số hồ sơ tiếp nhận: 81.900 hồ sơ, Trong đó:
- Tổng số hồ sơ kỳ trước chuyển sang: 5.140 hồ sơ.
- Tổng số hồ sơ nộp trực tiếp: 689 hồ sơ.
- Tổng số hồ sơ nộp trực tuyến: 76.071 hồ sơ, đạt 99,1%.
- Tổng số hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết cấp xã đã xử lý: 74.080 hồ sơ.

* Thống kê tình hình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ được ghi nhận trên Hệ thống thông tin giải quyết Bộ, ngành (Các Bộ: Xây dựng; Giáo dục và Đào tạo; Y tế; Nông nghiệp và Môi trường; Công thương; Nội vụ) cấp xã từ ngày 15/3/2026 đến ngày 14/4/2026) như sau:

- Tổng số hồ sơ tiếp nhận: 7.759 hồ sơ, Trong đó:
- Tổng số hồ sơ kỳ trước chuyển sang: 2.295 hồ sơ.
- Tổng số hồ sơ nộp trực tiếp: 67 hồ sơ.
- Tổng số hồ sơ nộp trực tuyến: 5.397 hồ sơ, đạt 98,77%.
- Tổng số hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết cấp xã đã xử lý: 5.016 hồ sơ.

* Hồ sơ được tiếp nhận tại cấp xã thuộc thẩm quyền giải quyết cấp tỉnh trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh tháng 4 năm 2026 như sau:

- Tổng số hồ sơ tiếp nhận : 34.737 hồ sơ.
- Tổng số hồ sơ kỳ trước chuyển sang: 11.430 hồ sơ.
- Tổng số hồ sơ nộp trực tiếp: 1.193 hồ sơ.
- Tổng số hồ sơ nộp trực tuyến: 22.114 hồ sơ, đạt 94,88%.
- Hồ sơ được tiếp nhận tại cấp xã thuộc thẩm quyền giải quyết cấp tỉnh đã xử lý: 21.993 hồ sơ.

Thống kê số liệu tình hình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ cụ thể (*Phụ lục I, II kèm theo*)

3. Công tác Kiểm soát thủ tục hành chính.

- Đã tham mưu Văn phòng UBND tỉnh, UBND tỉnh, Lãnh đạo UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản chỉ đạo công tác cải cách TTHC trên địa bàn tỉnh, các văn bản triển khai văn bản của Trung ương, Tỉnh uỷ, Đảng uỷ UBND tỉnh, các văn bản đơn đốc, hướng dẫn các Sở, ngành, địa phương trong giải quyết TTHC;

- Đã tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 57 văn bản¹

¹ Các văn bản điển hình: Công văn số 3855/UBND-KSTT ngày 13/4/2026 V/v triển khai thực hiện Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP; Công văn số 3739/UBND-KSTT ngày 02/4/2026 Triển khai Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026 của Chính phủ; Công văn số 3419/UBND-KSTT ngày 02/4/2026 về việc triển khai thực hiện

chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục tập trung đẩy mạnh thực hiện cải cách TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, bảo đảm tính đồng bộ, liên thông trong nội bộ từng cơ quan, đơn vị, nhất là các thủ tục liên quan đến người dân, doanh nghiệp; hoạt động, vận hành của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và 130 Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã chủ động, khoa học và hiệu quả, không gián đoạn, cụ thể như sau:

+ Tiếp tục công bố danh mục TTHC; phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử áp dụng trên địa bàn tỉnh; cập nhật, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC ngay sau khi Bộ, cơ quan ngang Bộ công bố TTHC; tích hợp, cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Kết quả, từ ngày 15/3/2026 đến ngày 14/4/2026, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 20 Quyết định công bố danh mục TTHC với 304 TTHC (cấp tỉnh: 275 TTHC, cấp xã: 214 TTHC). Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đã thiết lập quy trình điện tử, cấu hình dịch vụ công cho 100% trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh;

+ Tham mưu công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh, bám sát Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 14/12/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh CCHC trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 5158/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh ban hành Chương trình cải cách hành chính Nhà nước tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2030, Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026-2030; Quyết định số 1020/QĐ-UBND ngày 25/3/2026 ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Nghệ An giai đoạn 2026-2030; Kế hoạch số 4280/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Nghệ An năm 2026; góp phần thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, nâng cao hiệu quả hoạt động của các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh.

+ Tham mưu, thẩm tra trước khi trình Lãnh đạo UBND tỉnh duyệt ký các Báo cáo định kỳ tháng, quý về kết quả triển khai Đề án 06/CP, cải cách TTHC và chuyển đổi số gắn với Đề án 06/CP; thực hiện các báo cáo cải cách thủ tục hành chính tháng theo yêu cầu của Bộ Tư pháp;

+ Tham gia quản trị, khai thác, sử dụng Hệ thống theo dõi nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao; theo dõi, đôn đốc việc cập nhật nhiệm vụ trên Hệ thống.

+ Thực hiện phối hợp với Trung tâm dữ liệu quốc gia trong việc rà soát,

giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Công văn số 2874/UBND-KSTT ngày 24/3/2026 Báo cáo tình hình thi hành văn bản QPPL về phân cấp, phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính và điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; Công văn số 2557/UBND-KSTT ngày 18/3/2026 V/v triển khai xây dựng, cung cấp DVCTT đối với các TTHC lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp xã trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC ngành Nông nghiệp và Môi trường; Công văn số 2442/UBND-KSTT ngày 13/3/2026 V/v thực hiện cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính theo Nghị quyết số 66/NQ-CP

chuẩn hoá, công bố, công khai thủ tục hành chính, thủ tục hành chính đặc thù trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

+ Tham mưu nhận diện, công bố danh mục thủ tục hành chính nội bộ; công bố thủ tục hành chính nội bộ tại Quy chế làm việc của UBND tỉnh nhiệm kỳ 2026-2031.

+ Chủ động, phối hợp với các Sở, Ngành để kiểm soát hồ sơ trình phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử phù hợp với yêu cầu xây dựng Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ, Ngành trong giai đoạn mới.

4. Công tác phối hợp, đôn đốc, giám sát việc giải quyết hồ sơ TTHC

- Hoạt động của Trung tâm diễn ra ổn định, công tác tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện theo đúng quy trình đã được phê duyệt. Nâng cao vai trò của Trung tâm trong hoạt động Trung tâm tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân thực hiện TTHC và giải đáp thắc mắc trực tiếp với cán bộ Sở, ban, ngành, tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện TTHC.

- Hoạt động luân chuyển hồ sơ từ Trung tâm đến các đơn vị và nhận kết quả từ các đơn vị về Trung tâm thông qua dịch vụ Bưu điện Nghệ An cung cấp được triển khai đáp ứng đúng yêu cầu về thời gian, đảm bảo an toàn.

- Trung tâm chủ trì, phối hợp với Viễn thông Nghệ An, các cơ quan, đơn vị có liên quan khắc phục kịp thời các tồn tại, hạn chế, lỗi của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh để bảo đảm việc tiếp nhận, giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân thông suốt, hiệu quả, đáp ứng hoạt động vận hành mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp.

- Tiếp tục tham mưu triển khai thực hiện chế độ báo cáo định kỳ tại Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh; phối hợp đơn vị cung cấp dịch vụ Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Nghệ An để thiết lập chế độ báo cáo định kỳ đã được công bố tại Quyết định số 3971/QĐ-UBND, Quyết định số 609/QĐ-UBND trên Hệ thống này; Thống kê danh mục văn bản quy phạm pháp luật cần rà soát để nhận diện chế độ báo cáo định kỳ quy định trong văn bản QPPL của tỉnh nhằm thực hiện tham mưu công bố và thực hiện.

- Tình hình tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định và hành vi hành chính: Tổng số phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận: 331 phản ánh, kiến nghị (Trong đó: 271 phản ánh, kiến nghị tiếp nhận trên Hệ thống phản ánh, kiến nghị của Cổng Dịch vụ công quốc gia; 60 phản ánh, kiến nghị tiếp nhận qua số điện thoại tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của tỉnh); số phản ánh, kiến nghị đã xử lý đúng hạn: 306 số phản ánh, kiến nghị đã xử lý quá hạn: 0 phản ánh.

- Trung tâm đã chủ động phối hợp với các Sở, Ban, Ngành và các đơn vị liên quan, bố trí đầy đủ nhân lực phối hợp với Trung tâm dữ liệu quốc gia (C12), Bộ

Công an triển khai kết nối hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh với Công quốc gia mới tại Trung tâm dữ liệu quốc gia đảm bảo các tiến độ theo yêu cầu.

- Trung tâm tiếp tục tổ chức phân công cán bộ đầu mối hướng dẫn, hỗ trợ các điều kiện cần thiết cho hoạt động tiếp nhận, giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã 24/7 hiệu quả. Triển khai các nhóm Zalo để thông báo, hướng dẫn, giải đáp, hỗ trợ kịp thời các vướng mắc, đồng hành với các xã trong hoạt động thực hiện thủ tục hành chính. Triển khai công tác tập huấn trực tiếp, hỗ trợ về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng khai thác, sử dụng hệ thống thông tin cho các đơn vị.

II. MỘT SỐ TỒN TẠI, VƯỚNG MẮC

1. Tại cấp tỉnh

- Qua quá trình theo dõi triển khai thực hiện còn khá nhiều hạn chế, bất cập trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ, ngành như hệ thống hoạt động chưa ổn định, chưa đảm bảo thực hiện liên thông giữa các TTHC của các ngành, lĩnh vực; khó khăn để triển khai giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính; Bộ, Ngành chưa được quy định rõ việc phân cấp, phân quyền quản lý vận hành các hệ thống thông tin dẫn tới bị động trong khâu triển khai thực hiện đã ảnh hưởng đến việc thực hiện TTHC, dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp.

- Công tác rà soát, kiểm thử các dịch vụ công trực tuyến của các Sở, Ban, ngành trên hệ thống Cổng Dịch vụ công quốc gia, CSDL TTHC tại Trung tâm dữ liệu quốc gia còn chậm, chưa đảm bảo tiến độ.

2. Tại cấp xã

- Triển khai thực hiện tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ, ngành cán bộ phải thực hiện trên nhiều hệ thống khác nhau, các hệ thống mới của Bộ, ngành chưa được triển khai thống nhất, chưa đảm bảo công tác kết nối, đồng bộ dữ liệu với các hệ thống Điều phối giải quyết TTHC, quản lý văn bản điều hành, hóa đơn điện tử, dịch vụ tin nhắn SMS, điều tin sang bưu chính công ích, Công tác báo cáo, thống kê, trích xuất số liệu phải thực hiện thủ công trên nhiều hệ thống ảnh hưởng đến công tác tiếp nhận, giải quyết TTHC cho người dân, nhiều trường hợp phải thực hiện tiếp nhận trực tuyến trên Hệ thống tỉnh để đáp ứng nhu cầu của người dân, ảnh hưởng đến thời gian, công sức, chi phí thực hiện TTHC cho người dân, doanh nghiệp.

III. Kiến nghị, đề xuất

1. Đối với các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh

- Tiếp tục chủ động phối hợp với Bộ, Ngành, Văn phòng UBND tỉnh, VNPT địa phương để triển khai giải quyết hồ sơ TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết

TTHC tập trung của Bộ, Ngành; báo cáo UBND tỉnh những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình vận hành, khai thác, sử dụng Hệ thống;

- Khẩn trương, chủ động phối hợp với Trung tâm triển khai thực hiện rà soát các dịch vụ công được cung cấp trên CSDL về TTHC tại Trung tâm dữ liệu quốc gia đảm bảo tiến độ Cổng dịch vụ công quốc gia mới triển khai chính thức đảm bảo thông suốt, đầy đủ, đảm bảo dữ liệu theo các Quyết định công bố danh mục TTHC của Bộ, ngành và của UBND tỉnh để tiếp nhận, giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp.

- Tiếp tục rà soát các TTHC thuộc thẩm quyền quản lý, đồng thời tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh công bố danh mục TTHC, phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử đối với các TTHC để triển khai thực hiện. Rà soát, bổ sung kịp thời Chữ ký số để phục vụ hoạt động số hóa hồ sơ tại khâu tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC.

2. Đối với UBND các xã, phường

- Tiếp tục chủ động phối hợp với Trung tâm, các Sở, ban, ngành trong quá trình sử dụng các Hệ thống của Bộ, ngành; hệ thống Cổng Dịch vụ công quốc gia mới tổng hợp các khó khăn, vướng mắc, đề xuất để gửi Trung tâm để tổng hợp kiến nghị các đơn vị liên quan nhằm đảm bảo công tác giải quyết TTHC cho người dân được thông suốt, hiệu quả.

3. Đối với VNPT Nghệ An

Đề nghị tăng cường nhân lực, tiếp tục phối hợp, hỗ trợ trung tâm tìm giải pháp để nâng cao chất lượng, cải thiện tính năng, hiệu năng, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, các hệ thống thông tin giải quyết TTHC của các Bộ ngành do VNPT triển khai đảm bảo vận hành thông suốt, hiệu quả.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động của Trung tâm tháng 4 năm 2026, Trung tâm báo cáo Lãnh đạo UBND tỉnh được biết và chỉ đạo triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Giám đốc, PGĐ Trung tâm;
- UBND xã, phường;
- Công ty Điện lực NA;
- Bru điện NA;
- Lưu VT, NVMC (D).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Đình Mỹ

PHỤ LỤC I
Thống kê số liệu tình hình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ cấp xã trên Hệ
thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh tháng 4 năm 2026

(Kèm theo Báo cáo số /BC-HCC ngày /4/2026 của Trung tâm Phục vụ
hành chính công tỉnh Nghệ An)

STT	Tên cơ quan	Kỳ trước	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã xử lý	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	Tổng HS tiếp nhận
1	UBND phường Cửa Lò	20	100	1254	1329	92,61	1374
2	UBND phường Hoàng Mai	12	0	1152	1163	100,00	1164
3	UBND phường Quỳnh Mai	94	0	2010	2035	100,00	2104
4	UBND phường Tân Mai	61	0	882	810	100,00	943
5	UBND phường Tây Hiếu	49	0	441	448	100,00	490
6	UBND phường Thái Hòa	85	0	427	405	100,00	512
7	UBND phường Thành Vinh	150	8	2417	2213	99,67	2575
8	UBND phường Trường Vinh	151	4	1154	1155	99,65	1309
9	UBND phường Vinh Hưng	63	0	1035	976	100,00	1098
10	UBND phường Vinh Lộc	82	0	1631	1443	100,00	1713
11	UBND phường Vinh Phú	77	1	1111	1022	99,91	1189
12	UBND xã An Châu	133	1	1773	1769	99,94	1907
13	UBND xã Anh Sơn	16	0	546	532	100,00	562
14	UBND xã Anh Sơn Đông	10	1	258	261	99,61	269
15	UBND xã Bắc Lý	0	16	33	43	67,35	49
16	UBND xã Bạch Hà	7	0	183	186	100,00	190
17	UBND xã Bạch Ngọc	3	0	163	162	100,00	166
18	UBND xã Bích Hào	295	232	539	625	69,91	1066

STT	Tên cơ quan	Kỳ trước	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã xử lý	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	Tổng HS tiếp nhận
19	UBND xã Bình Chuẩn	3	2	41	42	95,35	46
20	UBND xã Bình Minh	8	0	213	219	100,00	221
21	UBND xã Cam Phục	11	0	46	52	100,00	57
22	UBND xã Cát Ngạn	71	10	101	109	90,99	182
23	UBND xã Châu Bình	33	26	266	266	91,10	325
24	UBND xã Châu Hồng	12	0	209	213	100,00	221
25	UBND xã Châu Khê	34	0	190	186	100,00	224
26	UBND xã Châu Lộc	12	0	88	75	100,00	100
27	UBND xã Châu Tiến	65	27	207	241	88,46	299
28	UBND xã Chiêu Lưu	3	0	284	276	100,00	287
29	UBND xã Con Cuông	23	2	403	384	99,51	428
30	UBND xã Đại Đồng	67	4	1501	1393	99,73	1572
31	UBND xã Đại Huệ	34	0	572	555	100,00	606
32	UBND xã Diễn Châu	127	99	1848	1983	94,92	2074
33	UBND xã Đô Lương	13	0	678	611	100,00	691
34	UBND xã Đông Hiếu	28	0	218	193	100,00	246
35	UBND xã Đông Lộc	98	0	1095	1078	100,00	1193
36	UBND xã Đông Thành	24	0	574	579	100,00	598
37	UBND xã Đức Châu	35	0	869	881	100,00	904
38	UBND xã Giai Lạc	14	0	170	179	100,00	184
39	UBND xã Giai Xuân	15	0	446	454	100,00	461
40	UBND xã Hải Châu	24	0	453	450	100,00	477

STT	Tên cơ quan	Kỳ trước	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã xử lý	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	Tổng HS tiếp nhận
41	UBND xã Hải Lộc	40	0	279	260	100,00	319
42	UBND xã Hạnh Lâm	59	6	134	170	95,71	199
43	UBND xã Hoa Quân	11	5	1137	1108	99,56	1153
44	UBND xã Hợp Minh	3	0	440	428	100,00	443
45	UBND xã Hùng Chân	6	0	235	225	100,00	241
46	UBND xã Hùng Châu	36	0	535	502	100,00	571
47	UBND xã Hưng Nguyên	79	4	975	887	99,59	1058
48	UBND xã Hưng Nguyên Nam	74	0	656	644	100,00	730
49	UBND xã Huồi Tụ	5	0	56	46	100,00	61
50	UBND xã Hữu Khuông	1	1	31	32	96,88	33
51	UBND xã Hữu Kiệt	1	0	83	77	100,00	84
52	UBND xã Keng Đu	0	0	118	118	100,00	118
53	UBND xã Kim Bảng	119	2	327	324	99,39	448
54	UBND xã Kim Liên	21	0	1090	1012	100,00	1111
55	UBND xã Lam Thành	41	0	1029	982	100,00	1070
56	UBND xã Lượng Minh	9	0	501	492	100,00	510
57	UBND xã Lương Sơn	1	0	571	571	100,00	572
58	UBND xã Mậu Thạch	77	19	268	314	93,38	364
59	UBND xã Minh Châu	121	14	907	951	98,48	1042
60	UBND xã Minh Hợp	15	0	652	549	100,00	667
61	UBND xã Môn Sơn	35	0	247	226	100,00	282
62	UBND xã Mường Chông	2	0	195	195	100,00	197

STT	Tên cơ quan	Kỳ trước	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã xử lý	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	Tổng HS tiếp nhận
63	UBND xã Mường Ham	16	1	187	200	99,47	204
64	UBND xã Mường Lống	2	0	108	105	100,00	110
65	UBND xã Mường Quàng	22	8	231	230	96,65	261
66	UBND xã Mường Típ	2	0	119	117	100,00	121
67	UBND xã Mường Xén	10	0	323	328	100,00	333
68	UBND xã Mỹ Lý	1	4	30	35	88,24	35
69	UBND xã Na Loi	19	0	39	58	100,00	58
70	UBND xã Na Ngoi	3	0	121	111	100,00	124
71	UBND xã Nậm Cắn	12	0	198	184	100,00	210
72	UBND xã Nam Đàn	22	0	959	918	100,00	981
73	UBND xã Nga My	5	0	242	219	100,00	247
74	UBND xã Nghi Lộc	57	0	1060	1070	100,00	1117
75	UBND xã Nghĩa Đàn	29	0	347	313	100,00	376
76	UBND xã Nghĩa Đồng	17	0	387	376	100,00	404
77	UBND xã Nghĩa Hành	46	0	256	243	100,00	302
78	UBND xã Nghĩa Hưng	16	0	361	328	100,00	377
79	UBND xã Nghĩa Khánh	75	1	308	233	99,68	384
80	UBND xã Nghĩa Lâm	43	0	573	567	100,00	616
81	UBND xã Nghĩa Lộc	57	0	459	398	100,00	516
82	UBND xã Nghĩa Mai	44	0	783	765	100,00	827
83	UBND xã Nghĩa Thọ	49	1	349	354	99,71	399
84	UBND xã Nhân Hòa	36	0	658	656	100,00	694

STT	Tên cơ quan	Kỳ trước	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã xử lý	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	Tổng HS tiếp nhận
85	UBND xã Nhôn Mai	3	0	256	222	100,00	259
86	UBND xã Phúc Lộc	32	0	712	679	100,00	744
87	UBND xã Quan Thành	6	2	384	381	99,48	392
88	UBND xã Quảng Châu	53	0	709	713	100,00	762
89	UBND xã Quang Đông	37	3	352	361	99,15	392
90	UBND xã Quế Phong	48	0	94	100	100,00	142
91	UBND xã Quỳ Châu	147	2	850	817	99,77	999
92	UBND xã Quỳ Hợp	60	0	732	700	100,00	792
93	UBND xã Quỳnh Anh	40	1	1187	1137	99,92	1228
94	UBND xã Quỳnh Lưu	70	0	2200	2186	100,00	2270
95	UBND xã Quỳnh Phú	30	0	1296	1284	100,00	1326
96	UBND xã Quỳnh Sơn	64	0	1396	1366	100,00	1460
97	UBND xã Quỳnh Tam	46	56	1037	1084	94,88	1139
98	UBND xã Quỳnh Thắng	23	1	627	565	99,84	651
99	UBND xã Quỳnh Văn	25	0	769	776	100,00	794
100	UBND xã Sơn Lâm	9	11	138	142	92,62	158
101	UBND xã Tam Đông	145	0	525	477	100,00	670
102	UBND xã Tam Hợp	48	0	1080	988	100,00	1128
103	UBND xã Tam Quang	40	1	103	142	99,04	144
104	UBND xã Tam Thái	1	0	160	160	100,00	161
105	UBND xã Tân An	13	0	88	75	100,00	101
106	UBND xã Tân Châu	99	0	2369	2425	100,00	2468

STT	Tên cơ quan	Kỳ trước	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã xử lý	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	Tổng HS tiếp nhận
107	UBND xã Tân Kỳ	27	0	953	949	100,00	980
108	UBND xã Tân Phú	42	0	380	290	100,00	422
109	UBND xã Thần Lĩnh	41	3	408	371	99,27	452
110	UBND xã Thành Bình Thọ	5	0	304	298	100,00	309
111	UBND xã Thiên Nhẫn	12	0	539	532	100,00	551
112	UBND xã Thông Thụ	1	0	123	123	100,00	124
113	UBND xã Thuận Trung	4	0	184	179	100,00	188
114	UBND xã Tiên Đồng	1	0	463	442	100,00	464
115	UBND xã Tiên Phong	31	1	82	73	98,80	114
116	UBND xã Tri Lễ	15	4	178	181	97,80	197
117	UBND xã Trung Lộc	13	0	673	674	100,00	686
118	UBND xã Tương Dương	24	0	1210	1206	100,00	1234
119	UBND xã Vạn An	39	0	1084	1086	100,00	1123
120	UBND xã Vân Du	13	0	99	110	100,00	112
121	UBND xã Văn Hiến	3	0	707	682	100,00	710
122	UBND xã Văn Kiều	35	0	1336	1185	100,00	1371
123	UBND xã Văn Tụ	19	0	477	467	100,00	496
124	UBND xã Vĩnh Tường	49	0	784	759	100,00	833
125	UBND xã Xuân Lâm	69	5	329	318	98,50	403
126	UBND xã Yên Hòa	8	0	138	141	100,00	146
127	UBND xã Yên Na	0	0	78	73	100,00	78
128	UBND xã Yên Thành	37	0	1257	1237	100,00	1294

STT	Tên cơ quan	Kỳ trước	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã xử lý	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	Tổng HS tiếp nhận
129	UBND xã Yên Trung	192	0	655	521	100,00	847
130	UBND xã Yên Xuân	20	0	521	486	100,00	541
TỔNG CỘNG		5140	689	76071	74080	99,10	81900

PHỤ LỤC II**Thống kê số liệu hồ sơ lĩnh vực đất đai được tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai từ tháng 4 năm 2026***(Kèm theo Báo cáo số /BC-HCC ngày /4/2026 của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An)*

STT	Tên cơ quan	Kỳ trước	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã xử lý	Tỷ lệ trực tuyến	Tổng số HS tiếp nhận
1	UBND Phường Cửa Lò	445	0	220	376	100,00	665
2	UBND Phường Hoàng Mai	175	0	226	230	100,00	401
3	UBND Phường Quỳnh Mai	106	0	308	301	100,00	414
4	UBND Phường Tân Mai	185	0	817	841	100,00	1002
5	UBND Phường Tây Hiếu	119	0	263	230	100,00	382
6	UBND phường Thái Hòa	241	0	386	376	100,00	627
7	UBND Phường Thành Vinh	1163	596	2740	3189	82,13	4499
8	UBND Phường Trường Vinh	17	0	61	36	100,00	78
9	UBND Phường Vinh Hưng	390	0	96	219	100,00	486
10	UBND Phường Vinh Lộc	392	0	213	137	100,00	605
11	UBND Phường Vinh Phú	230	0	155	227	100,00	385
12	UBND xã An Châu	106	0	196	207	100,00	302
13	UBND xã Anh Sơn	122	0	470	489	100,00	592
14	UBND xã Anh Sơn Đông	13	0	44	46	100,00	57
15	UBND Xã Bắc Lý	0	0	0	0	-	0
16	UBND Xã Bạch Hà	2	0	7	9	100,00	9
17	UBND Xã Bạch Ngọc	0	0	25	17	100,00	25
18	UBND Xã Bích Hào	77	88	0	58	0,00	165

STT	Tên cơ quan	Kỳ trước	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã xử lý	Tỷ lệ trực tuyến	Tổng số HS tiếp nhận
19	UBND xã Bình Chuẩn	6	5	0	3	0,00	11
20	UBND xã Bình Minh	34	0	7	9	100,00	41
21	UBND Xã Cam Phục	18	14	0	9	0,00	32
22	UBND xã Cát Ngạn	43	15	39	31	72,22	97
23	UBND Xã Châu Bình	12	3	24	26	88,89	39
24	UBND Xã Châu Hồng	0	0	3	3	100,00	3
25	UBND xã Châu Khê	43	0	21	29	100,00	64
26	UBND xã Châu Lộc	6	0	16	11	100,00	22
27	UBND xã Châu Tiến	16	0	36	24	100,00	52
28	UBND Xã Chiêu Lưu	0	0	2	1	100,00	2
29	UBND xã Con Cuông	147	129	60	171	31,75	336
30	UBND xã Đại Đồng	259	0	634	457	100,00	893
31	UBND xã Đại Huệ	20	0	128	113	100,00	148
32	UBND xã Diễn Châu	193	0	1259	1286	100,00	1452
33	UBND xã Đô Lương	41	0	847	725	100,00	888
34	UBND xã Đông Hiếu	163	0	252	276	100,00	415
35	UBND xã Đông Lộc	269	5	425	392	98,84	699
36	UBND xã Đông Thành	1	0	0	1	0,00	1
37	UBND xã Đức Châu	6	0	28	25	100,00	34
38	UBND Xã Giai Lạc	11	0	13	4	100,00	24
39	UBND Xã Giai Xuân	20	0	21	16	100,00	41
40	UBND Xã Hải Châu	45	0	121	120	100,00	166

STT	Tên cơ quan	Kỳ trước	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã xử lý	Tỷ lệ trực tuyến	Tổng số HS tiếp nhận
41	UBND Xã Hải Lộc	42	0	60	44	100,00	102
42	UBND Xã Hạnh Lâm	14	0	28	17	100,00	42
43	UBND Xã Hoa Quân	59	0	97	59	100,00	156
44	UBND Xã Hợp Minh	21	24	0	4	0,00	45
45	UBND Xã Hùng Chân	6	0	19	12	100,00	25
46	UBND Xã Hùng Châu	40	0	76	87	100,00	116
47	UBND Xã Hưng Nguyên	282	9	1025	970	99,13	1316
48	UBND Xã Hưng Nguyên Nam	277	0	241	257	100,00	518
49	UBND Xã Huồi Tụ	0	0	0	0	-	0
50	UBND Xã Hữu Khuông	0	0	0	0	-	0
51	UBND Xã Hữu Kiệm	2	9	0	4	0,00	11
52	UBND Xã Keng Đu	0	0	0	0	-	0
53	UBND Xã Kim Bảng	57	1	87	65	98,86	145
54	UBND Xã Kim Liên	62	0	223	257	100,00	285
55	UBND Xã Lam Thành	156	0	154	156	100,00	310
56	UBND Xã Lượng Minh	0	0	0	0	-	0
57	UBND Xã Lương Sơn	2	0	58	57	100,00	60
58	UBND Xã Mậu Thạch	20	1	7	6	87,50	28
59	UBND Xã Minh Châu	48	0	87	100	100,00	135
60	UBND Xã Minh Hợp	7	0	43	37	100,00	50
61	UBND Xã Môn Sơn	41	0	31	25	100,00	72
62	UBND Xã Mường Chông	0	0	0	0	-	0

STT	Tên cơ quan	Kỳ trước	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã xử lý	Tỷ lệ trực tuyến	Tổng số HS tiếp nhận
63	UBND Xã Mường Ham	6	0	5	8	100,00	11
64	UBND Xã Mường Lống	0	0	1	0	100,00	1
65	UBND Xã Mường Quàng	2	1	0	1	0,00	3
66	UBND Xã Mường Típ	0	0	0	0	-	0
67	UBND Xã Mường Xén	13	0	27	31	100,00	40
68	UBND Xã Mỹ Lý	2	0	0	2	0,00	2
69	UBND Xã Na Loi	0	0	0	0	-	0
70	UBND Xã Na Ngoi	0	0	0	0	-	0
71	UBND xã Nậm Cắn	2	0	0	0	0,00	2
72	UBND Xã Nam Đàn	32	0	195	183	100,00	227
73	UBND Xã Nga My	1	0	1	0	100,00	2
74	UBND Xã Nghi Lộc	296	1	1247	1168	99,92	1544
75	UBND xã Nghĩa Đàn	482	4	617	466	99,36	1103
76	UBND xã Nghĩa Đồng	71	0	106	112	100,00	177
77	UBND Xã Nghĩa Hành	35	0	56	53	100,00	91
78	UBND Xã Nghĩa Hưng	99	0	75	65	100,00	174
79	UBND Xã Nghĩa Khánh	268	0	123	32	100,00	391
80	UBND Xã Nghĩa Lâm	34	0	37	24	100,00	71
81	UBND Xã Nghĩa Lộc	96	0	152	122	100,00	248
82	UBND xã Nghĩa Mai	42	0	63	43	100,00	105
83	UBND xã Nghĩa Thọ	92	1	76	75	98,70	169
84	UBND xã Nhân Hòa	48	0	71	78	100,00	119

STT	Tên cơ quan	Kỳ trước	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã xử lý	Tỷ lệ trực tuyến	Tổng số HS tiếp nhận
85	UBND xã Nhôn Mai	0	0	0	0	-	0
86	UBND xã Phúc Lộc	147	0	205	201	100,00	352
87	UBND xã Quan Thành	105	5	0	26	0,00	110
88	UBND xã Quảng Châu	33	0	85	90	100,00	118
89	UBND xã Quang Đồng	1	0	1	1	100,00	2
90	UBND xã Quế Phong	30	54	62	98	53,45	146
91	UBND xã Quỳnh Châu	25	39	42	81	51,85	106
92	UBND xã Quỳnh Hợp	95	0	560	534	100,00	655
93	UBND xã Quỳnh Anh	482	3	331	310	99,10	816
94	UBND xã Quỳnh Lưu	337	0	1059	894	100,00	1396
95	UBND xã Quỳnh Phú	128	0	211	175	100,00	339
96	UBND xã Quỳnh Sơn	50	0	74	56	100,00	124
97	UBND xã Quỳnh Tam	139	0	178	201	100,00	317
98	UBND xã Quỳnh Thắng	232	0	137	101	100,00	369
99	UBND xã Quỳnh Văn	7	0	25	30	100,00	32
100	UBND xã Sơn Lâm	14	9	2	5	18,18	25
101	UBND xã Tam Đồng	44	0	74	54	100,00	118
102	UBND xã Tam Hợp	49	0	88	91	100,00	137
103	UBND xã Tam Quang	5	0	9	8	100,00	14
104	UBND xã Tam Thái	4	0	1	5	100,00	5
105	UBND xã Tân An	69	0	77	74	100,00	146
106	UBND xã Tân Châu	37	4	142	123	97,26	183

STT	Tên cơ quan	Kỳ trước	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã xử lý	Tỷ lệ trực tuyến	Tổng số HS tiếp nhận
107	UBND xã Tân Kỳ	153	0	302	284	100,00	455
108	UBND xã Tân Phú	87	0	157	148	100,00	244
109	UBND xã Thần Lĩnh	6	0	33	30	100,00	39
110	UBND xã Thành Bình Thọ	15	0	27	26	100,00	42
111	UBND xã Thiên Nhẫn	41	0	173	188	100,00	214
112	UBND xã Thông Thụ	1	0	1	1	100,00	2
113	UBND xã Thuận Trung	2	0	2	0	100,00	4
114	UBND xã Tiên Đông	23	0	30	31	100,00	53
115	UBND xã Tiên Phong	1	5	0	4	0,00	6
116	UBND xã Tri Lễ	1	1	0	1	0,00	2
117	UBND xã Trung Lộc	79	0	136	128	100,00	215
118	UBND xã Tương Dương	11	0	62	49	100,00	73
119	UBND xã Vạn An	75	0	879	856	100,00	954
120	UBND xã Vân Du	5	0	9	6	100,00	14
121	UBND xã Văn Hiến	0	0	4	1	100,00	4
122	UBND xã Văn Kiều	202	0	389	328	100,00	591
123	UBND xã Văn Tụ	191	0	50	29	100,00	241
124	UBND xã Vĩnh Tường	28	0	69	65	100,00	97
125	UBND xã Xuân Lâm	78	0	155	100	100,00	233
126	UBND xã Yên Hòa	1	0	2	1	100,00	3
127	UBND xã Yên Na	0	0	1	0	100,00	1
128	UBND xã Yên Thành	214	167	795	981	82,64	1176

STT	Tên cơ quan	Kỳ trước	Trực tiếp	Trực tuyến	Đã xử lý	Tỷ lệ trực tuyến	Tổng số HS tiếp nhận
129	UBND xã Yên Trung	246	0	153	151	100,00	399
130	UBND xã Yên Xuân	44	0	71	87	100,00	115
TỔNG CỘNG		11430	1193	22114	21993	94,88	34737